TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS - PT
Ngày: 02/3/2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay và nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú
Ông Hồ Hữu Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 154/2020/TLPT - DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay và nợ hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 106/2020/DS - ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 224/2020/QĐPT - DS ngày 30 tháng 12 năm 2020; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐ – PT ngày 26 tháng 01 năm 2021; Quyết Đ tạm ngừng phiên tòa số 02/2021/QĐPT- DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc N, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Bà Trần Kim Đ, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện hợp pháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2020): Chị Nguyễn Thị Cẩm D, sinh năm 1996 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Kim Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc N trình bày: Vào ngày 29/7/2018 âm lịch bà có cho bà Trần Kim Đ vay số tiền là 181.000.000 đồng (một trăm tám mươi mốt triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn vay không có thỏa thuận rõ, tiền lãi từ ngày ký biên nhận đến nay bà Đ không trả tiền lãi. Bà Đ vay hai đến ba lần với tổng số tiền vay là 181.000.000 đồng, mỗi lần vay bà Đ đều có viết biên nhận và những biên nhận đó bà đã bỏ. Đến ngày 07/3/2019 thì bà với bà Đ tổng kết số tiền vay và số tiền hụi còn nợ là 181.000.000 đồng tiền vay, 65.000.000 đồng tiền tràn hụi và 10.000.000 đồng tiền hụi mùa. Khi đó, bà Đ ký tên vào biên nhận. Ngoài ra, bà Đ còn tham gia một số dây hụi do bà làm chủ hụi như sau:

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 22/5/2017 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 35 phần. Bà Đ tham gia 02 phần, đã hốt hụi hết 02 phần. Đến tháng 01 năm 2019 bà úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 14 lần hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng.

- Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/7/2017 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 36 phần. Bà Đ tham gia 02 phần, đã hốt hụi hết 02 phần. Đến tháng 01 năm 2019 bà úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 18 lần hụi chết với số tiền là 72.000.000 đồng.

- Hụi 500.000 đồng mở ngày 01/8/2017 âm lịch, nửa tháng kêu một lần, gồm 45 phần. Bà Đ tham gia 03 phần, đã hốt hụi hết 03 phần. Đến tháng 01 năm 2019 bà úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 10 lần hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Hụi 500.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch, nửa tháng kêu một lần, gồm 44 phần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 bà úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 11 lần hụi chết với số tiền là 5.500.000 đồng.

- Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 29/01/2018 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 40 phần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 bà úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 29 lần hụi chết với số tiền là 58.000.000 đồng.

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/3/2018 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 36 phần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 bà úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 26 lần hụi chết với số tiền là 26.000.000 đồng.

Tiền hụi bà N tràn cho bà Đ từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 là 65.000.000 đồng. Tiền hụi mùa ngày 16/10/2018 là 10.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Trần Kim Đ trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 199.500.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Tiền tràn hụi là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), tiền hụi mùa là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tiền vay 181.000.000 đồng (một trăm tám mươi mốt triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm D trình bày:

Bà Đ thống nhất có tham gia một số dây hụi do bà N làm chủ hụi cụ thể như sau:

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 22/5/2017 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 35 phần. Bà Đ tham gia 02 phần, đã hốt hụi hết 02 phần. Đến tháng 01 năm 2019 bà N úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 14 lần hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng.

- Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/7/2017 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 36 phần. Bà Đ tham gia 02 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 bà N úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 18 lần hụi chết với số tiền là 72.000.000 đồng.

- Hụi 500.000 đồng mở ngày 01/8/2017 âm lịch, nửa tháng kêu một lần, gồm 45 phần. Bà Đ tham gia 03 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 bà N úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 10 lần hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/3/2018 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 36 phần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 bà N úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 26 lần hụi chết với số tiền là 26.000.000 đồng.

- Hụi 500.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch, nửa tháng kêu một lần, gồm 44 phần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 bà N úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 11 lần hụi chết với số tiền là 5.500.000 đồng.

- Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 29/01/2018 âm lịch, mỗi tháng kêu một lần, gồm 40 phần. Bà Đ tham gia 01 phần, đã hốt hụi. Đến tháng 01 năm 2019 thì bà N úp hụi thì bà Đ còn nợ lại 29 lần hụi chết với số tiền là 58.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà Đ thống nhất còn thiếu bà N số tiền hụi bà N tràn cho bà Đ từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018 là 65.000.000 đồng. Tiền hụi mùa ngày 16/10/2018 là 10.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay 181.000.000 đồng thì bà Đ không thống nhất. Bà Đ cho rằng chỉ còn thiếu 142.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Vào đầu năm 2018 bà Đ có vay của bà N một số tiền nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đến ngày 10/4/2018 bà Đ cùng bà N tổng kết nợ là bà Đ còn nợ lại số tiền gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi 4.150.000 đồng.

Ngày 07/4/2018, bà Đ vay bà N số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Ngày 07/5/2018, bà Đ vay bà N số tiền 8.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Ngày 16/5/2018, bà Đ vay bà N số tiền 12.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đến 28/5/2018 bà Đ với bà N tính tổng số tiền lãi là 17.140.000 đồng, lúc đó bà Đ trả tiền lãi cho bà N là 2.100.000 đồng, tổng số tiền gốc bà Đ còn nợ bà N là 98.000.000 đồng.

Ngày 09/6/2018 bà Đ vay của bà N 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Ngày 16/6/2018 bà Đ vay thêm của bà N 2.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Ngày 22/6/2018 bà Đ vay thêm của bà N là 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Ngày 27/6/2018 (tháng sáu trước) bà Đ trả tiền lãi là 14.210.000 đồng.

Đến ngày 27/6/2018 (tháng sáu sau) tổng lãi là 20.370.000 đồng (tiền lãi tính trên tổng số tiền vay của 98.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 2.000.000 đồng + 15.000.000 đồng = 145.000.000 đồng). Tổng gốc là 145.000.000 đồng, lãi là 20.370.000 đồng. Sau đó bà Đ có trả cho bà N số tiền 32.000.000 đồng nhưng không nhớ rõ ngày nào, khi bà Đ trả cho bà N số tiền 30.000.000 đồng là tại nhà bà Hoa, có bà Hoa chứng kiến. Còn số tiền 2.000.000 đồng bà Đ đưa bà N tại nhà bà Đ, không có ai chứng kiến.

Ngày 16/7/2018 bà Đ vay thêm 6.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Ngày 13/7/2018 bà Đ vay thêm 6.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đến ngày 27/7/2018 tổng lãi là 22.535.000 đồng (tiền lãi tính trên tổng số tiền vay của 145.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 6.000.000 đồng = 157.000.000 đồng). Tổng gốc là 157.000.000 đồng, tiền lãi là 20.370.000 đồng. Sau khi tổng kết nợ thì bà Đ trả tiền lãi là 22.535.000 đồng cho bà N.

Đến ngày 29/7/2018 bà N với bà Đ thống nhất số tiền nợ là 177.000.000 đồng (bao gồm tiền gốc là 157.000.000 đồng, tiền lãi là 20.370.000 đồng, bà N bớt 370.000 đồng còn lại 20.000.000 đồng).

Đến ngày 02/2/2019 bà N cùng con trai Minh Em đến nhà bà Đ tính lại tổng số tiền nợ là 177.000.000 đồng dựa trên 03 tờ giấy ghi nợ của bà N đưa. Khi đó cộng tất cả lại tổng số tiền bà Đ còn nợ bà N là 181.000.000 đồng. Khi đó bà Đ có ký tên và ghi tên vào biên nhận cho bà N. Lúc đó bà Hoa cũng có mặt.

Sau khi ký biên nhận bà Đ yêu cầu bà N trừ số tiền 32.000.000 đồng nhưng bà N không đồng ý.

Nay bà N yêu cầu bà Đ trả số tiền hụi còn nợ là 199.500.000 đồng, tiền tràn hụi là 65.000.000 đồng, tiền hụi mùa là 10.000.000 đồng thì bà Đ cũng như đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Cẩm D đồng ý trả số tiền hụi còn nợ. Đối với số tiền vay là 181.000.000 đồng thì bà Đ chỉ đồng ý trả số tiền là 110.000.000 đồng thay vì 142.000.000 đồng (do trừ số tiền 32.000.000 đồng mà bà Đ đã trả cho bà N mà không có biên nhận).

Người làm chứng Lê Hồng H trình bày:

Bà Trần Kim Đ có nợ bà Trần Ngọc N một số tiền hụi cụ thể bao nhiêu tiền thì bà không biết. Phần tiền vay bà Đ còn nợ bà N số tiền là 60.000.000 đồng, sau này bà Đ có vay thêm bà N khoản tiền nào hay không thì bà không biết. Khoảng một thời gian sau nhưng thời gian cụ thể thì bà không nhớ rõ, bà chỉ thấy bà Đ trả cho bà N số tiền là 30.000.000 đồng tại nhà bà nhưng bà không biết bà Đ trả cho bà N là khoảng tiền vay hay tiền hụi, khi bà Đ trả cho bà N thì Cẩm D có viết vào tờ giấy nhưng không ai ký tên. Sau đó (bà cũng không nhớ rõ thời gian nào), thì bà N viết sẵn biên nhận nợ hụi và vay đem xuống nhà bà Đ cho bà Đ ký tên, lúc đó bà N

và bà Đ cũng thống nhất số tiền theo biên nhận nên bà Đ đã ký tên vào biên nhận. Lúc bà Đ ký tên trên biên nhận thì bà có chứng kiến nhưng số tiền trên biên nhận đúng sai thì bà không biết. Sau đó, bà cùng bà Đ có xuống nhà gặp bà N để tính toán lại khoản tiền nợ nhưng bà N không chịu tính lại, bà Đ xin lại miếng giấy nợ mà bà N không cho, cùng lúc đó bà thấy bà Đ có lấy miếng giấy nợ nhưng không biết trên miếng giấy ghi số tiền là bao nhiêu.

Người làm chứng Trần Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận có viết giấy ghi tiền của bà Đ còn nợ của bà N cho bà N nhưng là bà N tính sẵn viết nháp rồi bà viết lại thôi chứ việc vay tiền và trả tiền như thế nào thì bà L không biết và cũng không có chứng kiến việc trả tiền giữa bà N và bà Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2020/DS - ST ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc N đối với bà Trần Kim Đ.

2. Buộc bà Trần Kim Đ phải trả cho bà Trần Ngọc N tổng số tiền là 455.500.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), bao gồm tiền hụi còn nợ là 199.500.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng), tiền tràn hụi là 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), tiền hụi mùa là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); Tiền vay 181.000.000 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết Đ thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, bị đơn bà Trần Kim Đ có đơn kháng cáo với nội dung:

Bà Trần Kim Đ yêu cầu sửa án sơ thẩm, bà không thống nhất với số tiền vay là 181.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng. Về phần tiền hụi thì bà Đ không đồng ý trả cho bà N số tiền là 199.500.000 đồng, bà Đ chỉ đồng ý trả số tiền hụi gốc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Trần Ngọc N và bị đơn bà Trần Kim Đ về việc cấn trừ số tiền bà Đ đã trả nợ thay cho bà N, số tiền 22.500.000 đồng đối với bà Lê Thị Bé H (có tên gọi khác là T). Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Kim Đ. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy Đ của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Kim Đ trả số tiền hụi và tiền vay, bị đơn bà Trần Kim Đ có nơi cư trú tại ấp 3, thị trấn V, huyện M, tỉnh Hậu Giang. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay và nợ hụi theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Trần Kim Đ có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Kim Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy

[2.1] Đối với số tiền nợ hụi:

Nguyên đơn bà Trần Ngọc N làm chủ hụi của nhiều dây hụi tháng, hụi mùa. Bị đơn bà Trần Kim Đ có tham gia chơi hụi của bà N và đã hốt hết những chân hụi đã

tham gia. Sau khi hốt hụi, bà Đ không đóng hụi cho bà N nên bà N phải tràn hụi cho bà Đ. Sau khi tràn hụi cho bà Đ thì giữa bà N và bà Đ có tổng kết lại số tiền hụi như sau: Tiền hụi chơi cho các dây hụi còn nợ là 199.500.000 đồng; tiền tràn hụi là 65.000.000 đồng, tiền hụi mùa là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi bà Đ còn nợ bà N là 274.500.000 đồng. Đồng thời bà Đ có ký tên và xác nhận còn nợ hụi bà N số tiền 274.500.000 đồng vào tờ biên nhận ngày 07/3/2019. Bị đơn bà Đ và người đại diện theo ủy quyền của bà Đ cũng thống nhất và đồng ý trả số tiền hụi cho bà N nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đ phải trả cho bà N là phù hợp và có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Ngọc N đồng ý trừ số tiền nợ hụi của bà Lê Thị Bé H (T) 22.500.000 đồng, do bị đơn bà Trần Kim Đ đã trả thay cho bà, vào số tiền hụi 199.500.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 22/02/2021 bà Lê Thị Bé H (T) xác Đ giữa bà và bà N, bà Đ có thỏa thuận cấn trừ số tiền 22.500.000 đồng và bà Bé Hai không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà N và bà Đ, về việc cấn trừ số tiền 22.500.000 đồng vào tiền nợ hụi mà bà Đ có trách nhiệm trả cho bà N. Như vậy, bà Đ có trách nhiệm trả nợ hụi cho bà N số tiền là 252.000.000 đồng.

[2.2] Đối với số tiền nợ vay

Nguyên đơn cho rằng vào ngày 29/7/2018 (âm lịch) nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền là 181.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 50.000 đồng/01 tháng/1.000.000 đồng. Không thỏa thuận thời hạn trả. Nhưng kể từ thời điểm nguyên đơn vay tiền cho đến nay, bị đơn không đóng lãi như đã thỏa thuận. Trong tổng số tiền vay 181.000.000 đồng này, bà Đ vay nhiều lần mỗi lần đều có làm biên nhận nhưng đến ngày 07/3/2019 nguyên đơn và bị đơn tổng kết số tiền vay và số tiền hụi còn nợ thì đã gộp chung các lần vay tiền thành số tiền tổng cộng đã vay là 181.000.000 đồng. Bị đơn có ký tên và xác nhận việc vay tiền cùng với nợ hụi.

Bị đơn bà Trần Kim Đ kháng cáo không đồng ý trả cho bà N số tiền 181.000.000 đồng, bà chỉ còn nợ bà N 142.00.000 đồng. Bà Đ đã trả cho bà N số tiền 32.000.000 đồng có bà H là người chứng kiến việc trả 30.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng bà trả cho bà N thì không có ai chứng kiến. Nên bà chỉ đồng ý trả cho bà N 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà không có tài liệu chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà.

Tại Biên nhận ngày 07/3/2019 (bút lục số 02) thể hiện nội dung: *"Tôi tên Trần Kim Đ có hỏi tiền của chị Trần Ngọc N 181.000.000 đồng từ ngày 29/7/2018. Tiền hụi thiếu từ tháng 8 – 2018 đến tháng 12/2018 bằng tiền là 65.000.000 đồng, 10 triệu hụi mùa ngày 16/10/2018".* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ thừa nhận bà đã trực tiếp ký vào biên nhận nợ, không bị ai bắt buộc thì bà phải có trách nhiệm với việc xác nhận nợ của mình.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại tiền án phí sơ thẩm. Đối với án phí phúc thẩm, bà Trần Kim Đ phải chịu, do kháng cáo của bà không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Kim Đ. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm, đối với phần nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận cấn trừ số tiền 22.500.000 đồng vào nợ hụi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc N đối với bà Trần Kim Đ.

2. Buộc bà Trần Kim Đ phải trả cho bà Trần Ngọc N tổng số tiền là 433.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu đồng), bao gồm tiền hụi còn nợ là

252.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng); tiền vay 181.000.000 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim Đ phải chịu là 21.320.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng). Bà Trần Ngọc N được nhận lại 11.220.000 đồng (Mười một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0001614 phiếu lập ngày 02/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Kim Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí bà Trần Kim Đ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00019251 ngày 28/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết Đ được thi hành án theo quy Đ tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 02/3/2021).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Phượng